



Thứ tư, ngày 14 tháng 11 năm 2018

Vietnam Daily Review

Kiểm tra đáy

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 15/11/2018		•	
Tuần 12/11-16/11/2018		•	
Tháng 11/2018		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index biến động giảm ở phiên sáng, ở phiên chiều, chỉ số giảm.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VIC (+1.39 điểm); SAB (+1.08 điểm); VNM (+0.81 điểm); EIB (+0.11 điểm); FPT (+0.11 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm GAS (-2.20 điểm); BID (-1.06 điểm); CTG (-0.92 điểm); HPG (-0.72 điểm); PLX (-0.60 điểm).
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu sản xuất kinh doanh và thủy sản, thanh khoản tăng so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 2659 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 11.75 điểm. Thị trường có 126 mã tăng và 149 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 4.45 điểm, đóng cửa tại 900.93 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index giảm 1.27 điểm xuống 101.20 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 10.33 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã SBT (90.88 tỷ), PPC (18.44 tỷ) và NVL (17.38 tỷ). Ngoài ra, họ đã bán ròng 12.07 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Trong phiên sáng, chỉ số VN-Index tăng điểm vào lúc mở cửa. Tuy nhiên kết thúc phiên sáng, chỉ số giảm điểm với lực bán xuất hiện ở nhóm cổ phiếu dầu khí GAS, PLX và nhóm cổ phiếu ngân hàng: VCB, CTG, BID và TPB. Đến phiên chiều, chỉ số VN-Index giảm nhẹ và giảm điểm. Lực mua ở 1 số cổ phiếu bluechips VIC, SAB, VNM góp phần đỡ thị trường ở mốc 900 điểm. Khối ngoại tiếp tục bán ròng. Theo quan điểm BSC, VN-Index đang biến động kiểm tra lại đáy ngắn hạn, nhiều cổ phiếu lớn giảm tập trung ở các ngành có quy mô lớn như Dầu Khí, Thép, Ngân hàng tác động tiêu cực lên chỉ số. BSC khuyến nghị nhà đầu tư hạn chế giao dịch trước khi xu hướng hồi phục đã xác định rõ ràng.

Phân tích kỹ thuật:

PNJ_ Xu hướng giảm

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 900.93

Giá trị: 2659 tỷ -4.45 (-0.49%)

Khối ngoại (ròng): -10.33 tỷ

HNX-INDEX 101.20

Giá trị: 439.62 tỷ -1.27 (-1.24%)

Khối ngoại (ròng): -12.07 tỷ

UPCOM-INDEX 51.24

Giá trị: 191 tỷ -0.22 (-0.43%)

Khối ngoại (ròng): 11.38 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	55.5	-0.40%
Giá vàng	1,201	-0.08%
Tỷ giá USD/VND	23,293	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	26,272	0.06%
Tỷ giá JPY/VND	20,477	0.06%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.8%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GMD	48.2	SBT	90.9
VNM	46.2	PPC	18.4
HCM	16.2	NVL	17.4
SSI	9.4	HPG	13.3
VJC	8.0	CTG	10.6

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Danh mục khuyến nghị	Trang 3
Cổ phiếu lớn	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

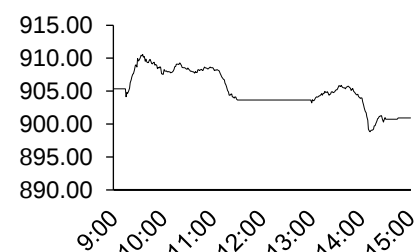
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
PVS	3.6	18.2	15	20	NGỪNG MUA	Điều chỉnh trung hạn
GMD	3.2	29.8	24	30	MUA	Tăng giá kéo dài
SBT	3.2	22.7	20	23	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
HDB	2.5	28.8	28	40	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
VJC	2.5	127.5	121	138	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
HNG	2.3	16.3	14	17	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
PVD	2.0	15.3	15	17	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
VIC	1.9	94.7	90	100	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
STB	1.7	12.0	12	13	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
IDI	1.6	12.0	10	12	MUA	Tăng giá kéo dài

Lê Quốc Trung

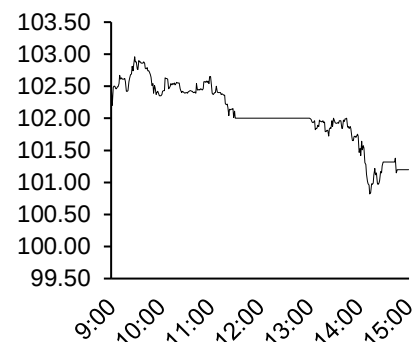
trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1811	871.0	-0.2%	-15.6%
VN30F1812	862.0	-0.8%	125.8%
VN30F1903	862.1	-1.0%	-15.5%
VN30F1906	861.2	-1.5%	13.6%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	95	1.5	1.4
VNM	118	1.3	1.1
SAB	243	2.3	0.8
FPT	42	1.4	0.4
GMD	30	2.1	0.2

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	36	-3	-2.2
VPB	20	-2	-1.0
MBB	20	-1	-0.6
GAS	90	-4	-0.6
CTG	21	-4	-0.5

Phân tích kỹ thuật

PNJ_ Xu hướng giảm

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Điều chỉnh ngắn hạn, tích lũy trung hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dưới đường trung tâm với xu hướng giảm
- Chỉ báo RSI: Ở vùng trung lập, xu hướng đi ngang
- Đường MA: Đường MA 20 cắt xuống dưới đường MA 100 và nằm dưới đường MA 50 và MA150 và MA 200. Tất cả các đường MA đều giảm trừ MA200.

Nhận định: Cổ phiếu PNJ đang tạo đáy sau khi rơi từ đỉnh ở mức giá 98.5. Thanh khoản tiếp tục giảm mạnh trong các phiên điều chỉnh liên tiếp. Chỉ báo RSI cho ta thấy cổ phiếu đang có xu hướng sẽ duy trì vận động trong mức trung bình của kênh Bollinger cho thấy cổ phiếu đã có sự hồi phục tích cực sau đợt điều chỉnh mạnh lần trước. Chỉ báo MACD cũng cho thấy cổ phiếu đang nằm trong xu hướng điều chỉnh và chưa có tín hiệu tăng trở lại. Như vậy, cổ phiếu có thể sẽ tiếp tục vào 1 giai đoạn điều chỉnh và tích lũy ngắn trong vùng giá từ 93.28-95.26 trong các phiên tới.



Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	30.50	-6.7%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	13.50	7.1%	11.6	14.5
3	PTB	10/4/2018	64.00	60.00	-6.3%	58.9	73.6
Trung bình					-1.9%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	27/4/2015	13.8	20.25	46.7%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	35.80	40.6%	24.2	43.5
3	HCM	18/09/2017	41.9	56.50	34.8%	39.8	60.0
Trung bình					40.7%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	23/06/2016	11.1	17.7	59.0%	17.0	22.7
2	TCB	31/10/2018	26.9	25.3	-6.1%	25.0	30.0
Trung bình					26.4%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	107.3	-0.4%	0.7	1,506	0.7	8,641	12.4	4.2	49.0%	41.2%	
PNJ	Bán lẻ	93.5	0.0%	1.0	659	0.9	5,428	17.2	4.5	49.0%	30.0%	
BVH	Bảo hiểm	98.0	-1.0%	1.3	2,986	0.4	1,728	56.7	4.7	24.8%	8.4%	
PVI	Bảo hiểm	31.8	0.0%	0.8	320	0.0	2,265	14.0	1.1	43.9%	7.8%	
VIC	Bất động sản	94.7	1.5%	1.0	13,141	1.9	1,366	69.3	5.5	9.7%	10.3%	
VRE	Bất động sản	30.1	-0.5%	1.1	3,043	1.2	646	46.5	2.7	31.5%	5.7%	
NVL	Bất động sản	70.9	0.0%	0.8	2,797	1.3	2,368	29.9	3.7	7.7%	14.2%	
REE	Bất động sản	30.5	-1.5%	1.1	411	0.4	5,068	6.0	1.1	49.0%	19.1%	
DXG	Bất động sản	24.9	-0.6%	1.5	378	1.3	3,042	8.2	1.9	47.3%	25.9%	
SSI	Chứng khoán	27.8	-0.2%	1.4	603	1.4	2,899	9.6	1.5	57.8%	15.8%	
VCI	Chứng khoán	52.0	-0.6%	1.0	369	0.0	4,289	12.1	2.8	41.4%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	56.5	1.1%	1.4	318	0.8	6,094	9.3	2.4	62.0%	27.8%	
FPT	Công nghệ	42.3	1.4%	0.9	1,127	1.4	5,322	7.9	2.2	49.0%	28.9%	
FOX	Công nghệ	51.0	-1.0%	0.4	501	0.0	3,453	14.8	3.8	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	90.2	-3.9%	1.5	7,506	3.2	6,473	13.9	4.1	3.5%	30.6%	
PLX	Dầu khí	55.0	-2.7%	1.5	2,771	1.9	3,285	16.7	3.3	11.0%	19.5%	
PVS	Dầu khí	18.2	-2.7%	1.8	378	3.6	1,747	10.4	0.8	20.9%	7.8%	
BSR	Dầu khí	14.8	-3.9%	0.8	1,995	1.7	#N/A	N/A	N/A	N/A	35.1%	23.0%
DHG	Dược	82.4	0.5%	0.5	468	0.3	4,037	20.4	3.7	49.1%	18.3%	
DPM	Hóa chất	18.8	0.5%	0.9	320	0.6	1,492	12.6	0.9	21.1%	8.1%	
DCM	Hóa chất	9.5	0.0%	0.7	219	0.1	997	9.5	0.8	4.0%	8.6%	
VCB	Ngân hàng	53.2	-0.7%	1.3	8,322	1.2	3,360	15.8	3.1	20.8%	20.9%	
BID	Ngân hàng	30.0	-3.2%	1.7	4,459	2.0	2,401	12.5	2.0	2.7%	17.4%	
CTG	Ngân hàng	21.2	-3.6%	1.6	3,432	5.3	2,064	10.3	1.1	30.0%	11.7%	
VPB	Ngân hàng	19.9	-1.7%	1.2	2,120	3.4	2,820	7.0	1.6	23.2%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	20.3	-1.5%	1.2	1,902	3.5	2,366	8.6	1.4	20.0%	17.4%	
ACB	Ngân hàng	27.6	-2.5%	1.2	1,497	4.0	3,498	7.9	1.8	34.3%	25.0%	
BMP	Nhựa	55.4	-1.1%	0.9	197	0.1	5,586	9.9	1.8	77.4%	18.5%	
NTP	Nhựa	41.5	0.0%	0.5	161	0.0	3,938	10.5	1.7	23.1%	16.6%	
MSR	Tài nguyên	20.8	0.0%	1.2	813	0.0	229	90.9	1.6	2.1%	1.8%	
HPG	Thép	35.8	-3.0%	0.9	3,306	13.0	4,334	8.3	2.0	39.5%	26.7%	
HSG	Thép	7.6	-4.3%	1.4	127	1.4	1,065	7.1	0.6	17.4%	8.0%	
VNM	Tiêu dùng	117.5	1.3%	0.6	8,896	3.4	4,997	23.5	8.0	58.8%	35.2%	
SAB	Tiêu dùng	243.0	2.3%	0.8	6,775	0.8	6,902	35.2	9.4	9.8%	28.5%	
MSN	Tiêu dùng	79.0	0.0%	1.2	3,995	1.1	5,416	14.6	4.7	40.3%	30.9%	
SBT	Tiêu dùng	22.7	1.6%	0.7	489	3.2	869	26.1	1.9	10.0%	11.3%	
ACV	Vận tải	82.8	1.1%	0.8	7,838	0.0	1,883	44.0	6.6	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	127.5	-0.4%	1.1	3,002	2.5	9,463	13.5	6.5	23.9%	67.1%	
HVN	Vận tải	31.1	-2.8%	1.7	1,687	0.7	1,727	18.0	2.5	9.2%	14.6%	
GMD	Vận tải	29.8	2.1%	0.9	385	3.2	6,311	4.7	1.5	46.4%	30.8%	
PVT	Vận tải	17.7	7.0%	0.8	216	0.2	2,165	8.2	1.3	34.3%	16.7%	
VCS	Vật liệu xây dựng	73.4	0.7%	1.0	511	1.4	5,620	13.1	4.2	2.5%	43.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	15.6	0.6%	0.9	304	0.9	1,179	13.2	1.1	24.7%	8.7%	
HT1	Vật liệu xây dựng	13.5	2.7%	0.8	224	0.3	1,599	8.4	1.0	5.0%	12.2%	
CTD	Xây dựng	146.0	0.7%	0.8	496	0.3	20,202	7.2	1.4	44.4%	21.1%	
VCG	Xây dựng	18.4	0.0%	1.3	353	0.4	2,384	7.7	1.2	10.8%	17.6%	
CII	Xây dựng	24.5	-1.8%	0.6	261	0.8	332	73.7	1.2	54.4%	1.7%	
POW	Điện	13.5	-2.2%	0.6	1,375	0.4	1,026	13.2	1.2	71.9%	9.1%	
NT2	Điện	25.5	0.8%	0.6	319	0.1	2,874	8.9	2.0	21.7%	19.8%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	94.70	1.50	1.39	450950.00
SAB	243.00	2.27	1.08	77240.00
VNM	117.50	1.29	0.82	674260.00
EIB	13.65	2.25	0.12	177840.00
FPT	42.25	1.44	0.12	752440.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	90.20	-3.94	-2.21	807750.00
BID	30.00	-3.23	-1.07	1.51MLN
CTG	21.20	-3.64	-0.93	5.67MLN
HPG	35.80	-2.98	-0.73	8.27MLN
PLX	55.00	-2.65	-0.61	787180.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVT	17.65	6.97	0.10	285190.00
HOT	27.65	6.96	0.00	10.00
TNT	2.46	6.96	0.00	50010.00
TVT	25.45	6.93	0.01	85940.00
CRC	18.55	6.92	0.01	196730.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ABT	44.05	-6.97	-0.02	2000.00
TRC	22.75	-6.95	-0.02	8730.00
HVG	5.42	-6.87	-0.03	1.25MLN
PJT	11.70	-6.77	0.00	4130.00
EMC	13.10	-6.76	0.00	20.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	10.00	2.04	0.06	1.59MLN
VGC	15.60	0.65	0.02	1.27MLN
HUT	4.30	2.38	0.02	1.21MLN
VCS	73.40	0.69	0.02	424100.00
TV3	39.90	9.92	0.01	5400.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	27.60	-2.47	-0.88	3.29MLN
SHB	7.20	-2.70	-0.21	4.32MLN
PVS	18.20	-2.67	-0.12	4.62MLN
OCH	6.00	-7.69	-0.05	9000.00
NDN	11.70	-4.88	-0.03	158900.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

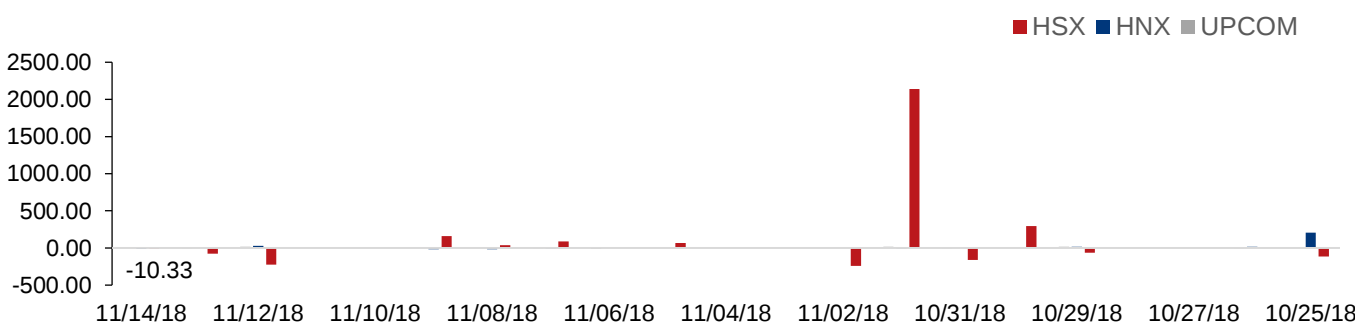
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BTW	13.20	10.00	0.00	100.00
VTG	12.10	10.00	0.00	100.00
KTS	15.50	9.93	0.01	200.00
TV3	39.90	9.92	0.01	5400.00
LDP	20.30	9.73	0.00	3100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.70	-12.50	-0.01	147300.00
DCS	0.90	-10.00	-0.01	27600.00
SDN	44.20	-9.98	0.00	100.00
PJC	36.60	-9.85	-0.01	100.00
C69	4.70	-9.62	0.00	42300.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
10	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	15.0	157	95.4	1.3	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	25.5	2,874	8.9	2.0	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	13.7	1,102	12.4	1.1	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	27.0	-2,092	#N/A N/A	2.2	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	27.6	3,498	7.9	1.8	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	39.7	5,746	6.9	1.3	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	14.3	1,087	13.2	1.2	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	17.7	2,165	8.2	1.3	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	35.8	4,334	8.3	2.0	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	24.9	3,042	8.2	1.9	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	19.6	3,200	6.1	1.3	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	30.2	5,796	5.2	1.7	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	42.3	5,322	7.9	2.2	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	53.2	3,360	15.8	3.1	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	18.2	1,747	10.4	0.8	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	20.3	2,366	8.6	1.4	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	146.0	20,202	7.2	1.4	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.4	-370	#N/A	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	87.0	18,132	4.8	1.3	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	93.5	5,428	17.2	4.5	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

